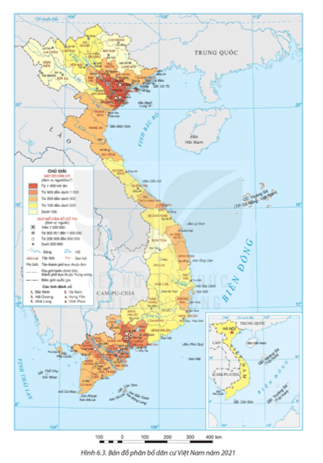
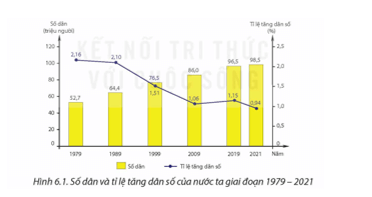
# Bài 6: Dân số Việt Nam

**Giải Địa lí 12 Bài 6: Dân số Việt Nam**  
**Giải Địa lí 12 trang 32**  
**Mở đầu trang 32 Địa Lí 12**: Dân số là nhân tố quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân số Việt Nam có đặc điểm gì và những đặc điểm này có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?  
**Lời giải:**  
- Đặc điểm dân số:  
+ Quy mô và gia tăng dân số: năm 2021 có 98,5 triệu người, xu hướng tăng chậm lại.  
+ Cơ cấu dân số: cơ cấu theo giới tính khá cân bằng; cơ cấu theo tuổi biến đổi nhanh theo hướng giảm tỉ lệ nhóm trẻ em, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi; cơ cấu theo dân tộc dân tộc Kinh chiếm 85%, dân tộc thiểu số chiếm 15%; cơ cấu theo trình độ học vấn được nâng cao dần.  
+ Phân bố dân cư: mật độ dân số 297 người/km2, có sự chênh lệch giữa các vùng.  
- Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội:  
+ Thế mạnh: nhu cầu hàng hóa, dịch vụ lớn, tạo động lực phát triển, tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư; nguồn lao động dồi dào; nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống.  
+ Hạn chế: thách thức về an ninh lương thực, năng lượng, việc làm, y tế, giáo dục, tài nguyên, môi trường; chi phí an sinh xã hội; chênh lệch phát triển kinh tế giữa các vùng.  
**I. Đặc điểm dân số**  
  
**Câu hỏi trang 32 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1, hãy trình bày quy mô và gia tăng dân số của nước ta.  
**Lời giải:**  
- Năm 2021, nước ta có 98,5 triệu người, đứng thứ 3 Đông Nam Á, thứ 8 châu Á và thứ 15 thế giới.  
- Có hàng triệu người Việt Nam định cư ở nước ngoài, luôn hướng về Tổ quốc.  
- Quy mô dân số lớn, tiếp tục tăng lên nhưng có xu hướng tăng chậm lại, tỉ lệ tăng dân số giảm dần, từ 2,16% (1979) xuống chỉ còn 0,94% (2021).  
**Câu hỏi trang 33 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày cơ cấu dân số của nước ta.  
**Lời giải:**  
- Cơ cấu dân số theo giới tính khá cân bằng, năm 2021 tỉ lệ nam, nữ trong tổng số dân là 49,84% và 50,16% (99,4 nam/100 nữ). Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, số trẻ sinh ra năm 2021 có tỉ lệ 112 bé trai/100 bé gái.  
- Cơ cấu dân số theo tuổi: do mức sinh giảm, tuổi thọ tăng nên cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta biến đổi nhanh theo hướng giảm tỉ lệ nhóm trẻ em, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi. Việt Nam đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cũng đã bước vào thời kì già hóa dân số.  
- Cơ cấu dân số theo dân tộc: nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 85%, các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15%. Các dân tộc sinh sống đan xen nhau khá phổ biến trên các vùng miền Tổ quốc. Các dân tộc có truyền thống đoàn kết, cùng nhau bảo vệ và xây dựng đất nước.  
- Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn: trình độ học vấn của người dân được nâng cao dần, năm 2021, tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 95,7%. Số năm đi học trung bình của dân số từ 25 tuổi trở lên là 9,1 năm. Trình độ học vấn có sự khác biệt đáng kể giữa thành thị với nông thôn và giữa các vùng.  
**Giải Địa lí 12 trang 35**  
**Câu hỏi trang 35 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 3 và hình 6.3, hãy:  
- Trình bày tình hình phân bố dân cư của nước ta.  
- Xác định một số tỉnh, thành phố có mật độ dân số dưới 100 người/km2 và một số tỉnh, thành phố có mật độ dân số từ 1000 người/km2 trở lên (năm 2021).  
  
**Lời giải:**  
- Tình hình phân bố dân cư:  
+ Năm 2021, mật độ dân số nước ta là 297 người/km2, cao gấp 5 lần mức trung bình thế giới và có sự chênh lệch giữa các vùng.  
+ Vùng Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số lên tới 1091 người/km2, vùng Tây Nguyên mật độ dân số chỉ có 111 người/km2.  
+ Dân cư nước ta chủ yếu sinh sống ở nông thôn, năm 2021, tỉ lệ dân nông thôn là 62,9%, tỉ lệ dân thành thị là 37,1% tổng số dân.  
- Tỉnh, thành phố có mật độ dân số dưới 100 người/km2: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Kon Tum.  
- Tỉnh, thành phố có mật độ dân số từ 1000 người/km2 trở lên: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, TP Hồ Chí Minh.  
**II. Thế mạnh và hạn chế về dân số**  
  
**Câu hỏi trang 35 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục II, hãy phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số của nước ta.  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Dân số là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước. Quy mô dân số lớn dẫn đến nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước. Người Việt Nam ở nước ngoài là nguồn lực quan trọng, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.  
+ Quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số vàng nên nước ta có nguồn lao động dồi dào, đáp ứng đủ yêu cầu về nhân lực để phát triển nền kinh tế đa ngành và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.  
- Mức sinh thấp, dân số tăng chậm tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống dân cư.  
- Hạn chế:  
+ Quy mô dân số lớn và tăng lên hàng năm nảy sinh thách thức về an ninh lương thực, năng lượng; đảm bảo việc làm, giáo dục, y tế; sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường,…  
- Số lượng và tỉ lệ người cao tuổi ngày càng lớn, đòi hỏi tăng chi phí cho an sinh xã hội, dịch vụ y tế,…  
- Phân bố dân cư chênh lệch lớn gây ra nhiều thách thức. Ở những khu vực dân cư tập trung, mật độ quá cao gây sức ép đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; quá tải trong việc đáp ứng nhu cầu về việc làm, dịch vu y tế, giáo dục,… Ngược lại, những khu vực dân cư thưa thớt, thiếu lao động để khai thác tài nguyên thiên nhiên, khó khăn trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội.  
**III. Chiến lược dân số của Việt Nam**  
**Giải Địa lí 12 trang 36**  
**Câu hỏi trang 36 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục III, hãy nêu mục tiêu và giải pháp của chiến lược dân số ở nước ta hiện nay.  
**Lời giải:**  
- Mục tiêu:  
+ Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân 2,1 con/một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ), giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.  
+ Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số rất ít người.  
+ Đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lí.  
+ Nâng cao chất lượng dân số: tăng tuổi thọ bình quân, nâng cao thể trạng người dân; phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững.  
+ Thúc đẩy phân bố dân số hợp lí và bảo đảm quốc phòng an ninh.  
+ Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.  
- Giải pháp:  
+ Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số.  
+ Đẩy mạnh giáo dục, truyền thông về dân số và phát triển.  
+ Phát triển mạng lưới dịch vụ nâng cao chất lượng dân số: tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, tầm soát trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, sức khỏe người cao tuổi, phát triển giáo dục và đào tạo,…  
+ Bảo đảm đủ nguồn lực cho công tác dân số từ ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội.  
  
**Luyện tập trang 36 Địa Lí 12**: Dựa vào hình 6.1, hãy nhận xét và giải thích sự biến động số dân và tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1979 – 2021.  
  
**Lời giải:**  
Nhìn chung số dân và tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1979 – 2021 đều có sự biến động, cụ thể:  
- Số dân có biến động tăng đều qua các năm, từ 52,7 triệu dân năm 1979 lên 98,5 triệu dân năm 2021.  
- Tỉ lệ tăng dân số có biến động xu hướng giảm: từ 2,16% năm 1979 giảm xuống chỉ còn 0,94% năm 2021.  
Như vậy có thể thấy quy mô dân số Việt Nam tiếp tục tăng lên nhưng xu hướng đang tăng chậm lại, tỉ lệ tăng dân số giảm dần qua các năm do mức sinh giảm, dân số đang bước vào thời kì già hóa.  
  
**Vận dụng trang 36 Địa Lí 12**: Tìm hiểu, viết báo cáo ngắn về đặc điểm dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư) ở địa phương em.  
**Lời giải:**  
Đặc điểm dân số Hà Nội  
Hà Nội hiện là thành phố đông dân thứ hai của cả nước (sau TP Hồ Chí Minh) với dân số trung bình năm 2021 là 8.330.834 người, tốc độ gia tăng dân số cơ học hằng năm ở mức 1,4%/năm. Trung bình mỗi năm, dân số Thủ đô tăng lên khoảng 200.000 người, tương đương với dân số của một huyện lớn.  
Toàn thành phố đã đạt mức sinh thay thế, số con bình quân/một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 2,1 con. Đặc biệt, đã bước đầu kiểm soát được mất cân bằng giới tính. Tỷ số giới tính khi sinh năm 2022 ước đạt 112,5 trẻ trai/100 trẻ gái.  
Mật độ dân số trung bình hiện nay của Hà Nội khoảng 2.398 người/km2, cao gấp 8,2 lần so mật độ dân số cả nước. Tuy nhiên, mật độ dân số của Thủ đô lại không đồng đều giữa các quận nội thành và các huyện ngoại thành, dân cư chủ yếu tập trung đông tại các quận nội thành như: Đống Đa, Cầu Giấy, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Hoàng Mai… Theo một thống kê gần đây mật độ dân số của quận Đống Đa lên tới hơn 42.000 người/km2, con số này cao hơn gấp nhiều lần so với mật độ dân số trung bình của Hà Nội… Còn tại các huyện ngoại thành như Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ đức thì mật độ dân số chỉ khoảng dưới 1.000 người/km2, mật độ này lại thấp hơn nhiều so với mật độ trung bình của toàn Thành phố.  
Dân số Hà Nội chủ yếu là người Kinh, chiếm tỷ lệ khoảng 99%, theo sau là người Mường, người Tày và các dân tộc thiểu số khác. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống xen kẽ với người Kinh ở tất cả 30 đơn vị hành chính cấp huyện của thành phố, trong đó cư trú tập trung ở 14 xã của 5 huyện Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức.  
**Xem thêm lời giải sách giáo khoa Địa lí lớp 12 Kết nối tri thức hay, chi tiết khác:**  
Bài 7: Lao động và việc làm  
Bài 8: Đô thị hoá  
Bài 9: Thực hành: Viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam  
Bài 10: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế  
Bài 11: Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp